



mó tóu

魔头

noun · demon; villain

Example Sentences

Zhè ge mó tóu zuò le hě duō huài shì
这个魔头做了很多坏事。

This villain has done many bad things.

Gù shì lǐ de mó tóu zuì zhōng bèi yǒng shì dǎ bài le
故事里的魔头最终被勇士打败了。

The demon in the story was finally defeated by the hero.

Trace each character, then write the word on your own.

魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔
魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔	魔
魔										
头	头	头	头	头	头	头	头			